

Số: /2016/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

NGHỊ ĐỊNH
Về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 12 tháng 7 năm 2006;
Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007;
Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh, sử dụng, khảo nghiệm, công nhận, kiểm tra, quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động liên quan đến thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là những sản phẩm mà vật nuôi ăn, uống ở dạng tươi, sống hoặc đã qua chế biến, bảo quản, bao gồm thức ăn dinh dưỡng và thức ăn chức năng ở các dạng: Nguyên liệu, thức ăn đơn; thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh; thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung, phụ gia thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

a) *Thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại* là các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được sản xuất nhằm mục đích trao đổi, mua bán trên thị trường.

b) *Thức ăn chăn nuôi, thủy sản tự phối trộn* là các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản do các cơ sở hoặc cá nhân tự phối trộn dùng cho nhu cầu chăn nuôi của nội bộ cơ sở, không trao đổi và mua bán trên thị trường.

c) *Thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán* là các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp chế biến đã được người chăn nuôi sử dụng từ trước đến nay như: thóc, gạo, cám, ngô, khoai, sắn, bã rượu, bã bia, bã sắn, bã dứa, rỉ mật đường, rơm, cỏ, tôm, cua, cá và các loại khác.

d) *Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới* là thức ăn lần đầu tiên được nhập khẩu, được phát hiện và sản xuất tại Việt Nam có chứa hoạt chất chưa qua khảo nghiệm ở Việt Nam.

đ) *Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh* là hỗn hợp của nhiều nguyên liệu thức ăn được phối chế theo công thức nhằm đảm bảo có đủ các chất dinh dưỡng để duy trì sự sống và khả năng sản xuất của vật nuôi theo từng giai đoạn sinh trưởng hoặc chu kỳ sản xuất.

e) *Thức ăn đậm đặc* là hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản có hàm lượng các chất dinh dưỡng cao hơn nhu cầu vật nuôi và dùng để pha trộn với các nguyên liệu khác tạo thành thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh.

g) *Thức ăn bổ sung* là thức ăn đơn hoặc hỗn hợp của nhiều nguyên liệu cho thêm vào khẩu phần ăn để cân đối các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể vật nuôi.

h) *Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản* hoặc *thức ăn đơn* là thức ăn dùng để cung cấp một hoặc nhiều chất dinh dưỡng trong khẩu phần ăn cho vật nuôi.

i) *Phụ gia thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là chất có hoặc không có giá trị dinh dưỡng được bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình chế biến, xử lý nhằm duy trì hoặc cải thiện đặc tính nào đó của thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. *Chất chính trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là chất quyết định công dụng và bản chất của sản phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phù hợp với từng loại sản phẩm.

3. *Chất gây mất an toàn trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là chất có ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm trong thức ăn chăn nuôi, thủy sản được quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng hoặc các văn bản tương đương của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. *Vật nuôi* là các loại gia súc, gia cầm, ong, tằm, động vật thủy sản được con người nuôi giữ.

5. *Vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là các điều kiện và biện pháp cần thiết để bảo đảm thức ăn chăn nuôi, thủy sản không gây hại cho sức khỏe của vật nuôi, con người sử dụng sản phẩm vật nuôi và môi trường.

6. *Kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản* bao gồm các hoạt động sản xuất, gia công, buôn bán, xuất khẩu, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

a) *Sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động sản xuất, chế biến, san chia, bao gói, bảo quản, vận chuyển thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) *Gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản* là quá trình thực hiện một phần hoặc toàn bộ các công đoạn sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt hàng.

Điều 4. Nội dung quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn, quy chuẩn, cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi thủy sản mới.

4. Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

6. Đầu tư, phát triển hệ thống khảo nghiệm, kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

7. Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tạo nguồn nhân lực phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

8. Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm về sản xuất, quản lý và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

9. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của nhà nước, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các tranh chấp về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Nhà nước khuyến khích mọi thành phần kinh tế, xã hội đầu tư nghiên cứu, đào tạo, khuyến công, khuyến nông và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật về dinh dưỡng, chế biến thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Ưu tiên đầu tư và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển, sản xuất và khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước và các chính sách khác, trong đó có việc dành thêm quỹ đất và tín dụng ưu đãi cho việc trồng, thu hoạch, bảo quản, sản xuất, gia công, chế biến nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước.

3. Đầu tư và xã hội hóa đầu tư nâng cao năng lực hoạt động thử nghiệm, chứng nhận sự phù hợp phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Khuyến khích phát triển mạnh hình thức xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Chương II

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 6. Điều kiện hoạt động đối với cơ sở sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại

1. Có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cấp;

2. Chỉ được sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản được công nhận được phép lưu hành tại Việt Nam theo quy định tại Chương IV Nghị định này.

Điều 7. Điều kiện được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại

Tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh về sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Trụ sở có biển hiệu ghi rõ tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại.

3. Địa điểm phải nằm trong khu quy hoạch hoặc có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, không có nguy cơ bị ô nhiễm bởi những yếu tố như chất thải, hóa chất độc hại, chuồng trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

4. Có tường, rào ngăn cách với bên ngoài.

5. Yêu cầu về nhà xưởng, trang thiết bị:

a) Khu vực sản xuất phải được thiết kế và bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều, có sự cách biệt giữa các khu vực từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm cuối cùng để tránh lây nhiễm chéo;

b) Có dây chuyền sản xuất phù hợp với từng loại sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản; có kệ (pallet) để nguyên liệu và sản phẩm thành phẩm (trừ trường hợp nền kho, xưởng đã có giải pháp kỹ thuật đảm bảo thông thoáng, chống ẩm);

c) Có kho bảo quản vitamin và thức ăn bổ sung khác theo khuyến cáo của nhà sản xuất. Đối với kháng sinh, hóa dược phải có kho và nơi pha trộn riêng, đảm bảo không phát tán nhiễm chéo ra bên ngoài;

d) Có thiết bị, dụng cụ đo lường, giám sát chất lượng đảm bảo độ chính xác và được bảo dưỡng, kiểm định định kỳ theo quy định;

đ) Có giải pháp kiểm soát các tạp chất ảnh hưởng đến chất lượng nguyên liệu đầu vào như: cát sạn, kim loại;

e) Có hệ thống phòng, chống cháy nổ theo quy định của pháp luật và phòng, chống côn trùng, chim, chuột, động vật gây hại khác;

h) Có hệ thống hút bụi, xử lý chất thải phù hợp để tránh nhiễm bẩn cho sản phẩm và đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

6. Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi, chăn nuôi - thú y hoặc công nghệ thực phẩm (đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản), chuyên ngành nuôi trồng thủy sản hoặc công nghệ thực phẩm (đối với thức ăn thủy sản).

Riêng đối với các cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có chứa kháng sinh, hóa dược phải có bác sỹ thú y được cấp chứng chỉ hành nghề (bác sỹ thú y phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với chủ cơ sở sản xuất về việc sử dụng kháng sinh, hóa dược trong thức ăn chăn nuôi).

7. Có phòng thử nghiệm hoặc thuê phòng thử nghiệm để phân tích chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong quá trình sản xuất, gia công.

8. Công trình phụ trợ khác:

a) Có phòng thay trang phục, bảo hộ lao động, trang bị bảo hộ lao động phù hợp.

b) Khu vệ sinh phải được bố trí cách biệt, không gây ô nhiễm với khu sản xuất và có đầy đủ thiết bị, dụng cụ đảm bảo vệ sinh.

Điều 8. Điều kiện được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Tổ chức, cá nhân buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

2. Trụ sở chính có biển hiệu ghi rõ tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại;

3. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại nơi bày bán, kho chứa phải cách biệt với thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất độc hại khác;

4. Có thiết bị, dụng cụ để bảo quản thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo hướng dẫn của nhà sản xuất, nhà cung cấp;

5. Có giải pháp phòng chống côn trùng, chim, chuột và động vật gây hại khác;

6. Có hợp đồng mua bán với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong đó có quy định về đảm bảo chất lượng, an toàn thức ăn chăn nuôi, thủy sản và trách nhiệm của các bên.

Điều 9. Điều kiện với cơ sở nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

2. Trụ sở chính có biển hiệu ghi rõ tên cơ sở, địa chỉ, số điện thoại;

3. Có hợp đồng mua bán với nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong đó có quy định về đảm bảo chất lượng, an toàn thức ăn chăn nuôi, thủy sản và trách nhiệm của các bên.

Điều 10. Cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản gồm:

a) Giấy đề nghị chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao chụp một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh về sản xuất, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

c) Bản thuyết minh điều kiện cơ sở sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền;

b) Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

c) Trong thời gian không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định hồ sơ và tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện tại cơ sở;

d) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, nếu cơ sở đủ điều kiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ban hành quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không ban hành quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đăng ký.

Thời hạn hiệu lực của quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản là 03 năm. Trước khi quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản hết hiệu lực 06 tháng, tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản nộp hồ sơ đăng ký lại về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền. Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký lại áp dụng như đăng ký lần đầu.

3. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong các trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký:

a) Hồ sơ đăng ký cấp lại bao gồm đơn đăng ký cấp lại; tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;

b) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thủy sản có thẩm quyền cấp; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thủy sản có thẩm quyền cấp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thủy sản có thẩm quyền cấp, có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản của tổ chức, cá nhân một trong các trường hợp sau:

a) Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công hoặc buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị tẩy xóa, sửa chữa nội dung;

b) Vi phạm pháp luật mà bị xử phạt vi phạm hành chính 03 lần trở lên trong 01 năm hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 03 lần liên tiếp về 01 hành vi vi phạm về điều kiện sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

c) Không còn hoạt động sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

d) Có hành vi vi phạm khác mà pháp luật quy định phải thu hồi giấy chứng nhận.

Chương III

KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN MỚI

Điều 11. Khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải khảo nghiệm là các loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới.

2. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới không phải khảo nghiệm nếu là kết quả của các công trình, đề tài nghiên cứu được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận là tiến bộ kỹ thuật hoặc có xuất xứ và được lưu hành từ các nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn quy trình khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới và việc thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 12. Điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận đáp ứng đủ điều kiện sau:

1. Đã đăng ký hoạt động khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có chức năng nghiên cứu về dinh dưỡng thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Có hoặc thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn trên từng đối tượng vật nuôi: chuồng trại, ao, lồng, bè, bể phù hợp với việc bố trí khảo nghiệm.

Đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản phải có đủ nguồn nước đạt yêu cầu chất lượng; hệ thống cấp thoát nước riêng biệt, có ao chứa nước thải đảm bảo việc kiểm tra chỉ tiêu môi trường và các chỉ tiêu về bệnh thủy sản.

3. Người phụ trách kỹ thuật phải có bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên về chuyên ngành chăn nuôi hoặc chăn nuôi - thú y (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi) hoặc chuyên ngành nuôi trồng thủy sản (đối với cơ sở khảo nghiệm thức ăn thủy sản).

Điều 13. Hồ sơ, trình tự công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản sao chụp (có xác nhận của cơ sở) một trong các giấy tờ sau: Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận đầu tư;

c) Bản chính thuyết minh điều kiện cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 5 và Phụ lục 6 ban hành kèm theo Nghị định này).

2. Trình tự công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

a) Cơ sở có nhu cầu đăng ký công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

b) Trong thời gian không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ đăng ký chưa đầy đủ và hợp lệ;

c) Trong thời gian không quá 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định hồ sơ và tổ chức kiểm tra, đánh giá điều kiện tại cơ sở;

d) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá, nếu cơ sở đủ điều kiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ban hành quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Nghị định này); trường hợp cơ sở không đủ điều kiện, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thông báo bằng văn bản cho cơ sở đăng ký những nội dung chưa đạt yêu cầu.

đ) Quyết định công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm có hiệu lực 05 năm. Trước khi hết hiệu lực 03 tháng, cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nộp hồ sơ đăng ký lại về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền. Hồ sơ, trình tự thủ tục đăng ký lại áp dụng như đăng ký lần đầu.

Điều 14. Công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới

1. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới chỉ được công nhận khi đáp ứng đủ các yêu cầu sau:

a) Có kết quả khảo nghiệm của cơ sở thực hiện khảo nghiệm;

b) Được Hội đồng khoa học chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thành lập đánh giá kết quả khảo nghiệm và đề nghị công nhận.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới và xem xét công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam nếu tổ chức, cá nhân có sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới có nhu cầu và đáp ứng các quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

Chương IV

CÔNG NHẬN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

Điều 15. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

1. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam là thức ăn chăn nuôi, thủy sản được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền công nhận đủ điều kiện lưu hành tại Việt Nam, được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

Thời gian lưu hành của các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại Việt Nam là 05 năm kể từ ngày được công nhận. Trước khi hết thời gian lưu hành 06 tháng, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

2. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Phải công bố tiêu chuẩn áp dụng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và có chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng. Phải công bố hợp quy theo quy định nếu sản phẩm đã có quy chuẩn kỹ thuật;

b) Thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới: Ngoài có quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ

quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền phải đáp ứng các quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;

c) Riêng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản tự phối trộn, thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán không phải thực hiện đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, nhưng phải đáp ứng các quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (nếu có).

3. Hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

Đơn đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản sao chụp);

Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng (bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của nhà sản xuất), bản tiếp nhận công bố hợp quy hoặc quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới (nếu có);

Phiếu kết quả thử nghiệm (bản chính hoặc bản sao chứng thực) các chỉ tiêu chất lượng và an toàn của sản phẩm trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có) được cấp bởi các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền chỉ định hoặc thừa nhận;

Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất).

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

Đơn đề nghị công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 9 ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (bản sao chụp);

Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of free sale) hoặc văn bản có giá trị tương đương của thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất xứ cấp theo quy định tại Quyết định số 10/2010/QĐ-TTg ngày 10/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu;

Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận chất lượng; nhãn phụ sản phẩm thể hiện bằng tiếng Việt theo quy định;

Phiếu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và an toàn sản phẩm của nhà sản xuất đã có một trong các giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương. Trường hợp nhà sản xuất không có một trong những giấy chứng nhận GMP, HACCP, ISO hoặc giấy chứng nhận tương đương

thì phiếu kết quả thử nghiệm phải được cấp từ các phòng thử nghiệm được cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ chỉ định hoặc từ các phòng thử nghiệm được tổ chức công nhận quốc tế hoặc tổ chức công nhận khu vực thừa nhận hoặc do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định, thừa nhận;

Mẫu nhãn của sản phẩm (có xác nhận của nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu).

Hồ sơ là bản chính hoặc bản sao chứng thực kèm theo bản dịch ra tiếng Việt có xác nhận của tổ chức, cá nhân đăng ký nhập khẩu. Nếu bản chính không phải là tiếng Anh thì bản dịch tiếng Việt phải có dịch thuật và chứng thực.

4. Hồ sơ đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam bao gồm:

a) Đơn đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có) là bản chính hoặc bản sao chụp có xác nhận của nhà sản xuất;

c) Mẫu nhãn của sản phẩm (có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc nhà nhập khẩu).

5. Trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (bao gồm cả đăng ký lại):

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

c) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ và ban hành quyết định công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 11 kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

d) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán: Việc đăng ký lưu hành tại Việt Nam nếu do tổ chức, cá nhân đăng ký thì tiến hành theo các quy định tại các điểm a, b, c Khoản 5 Điều này. Những sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản thuộc nhóm này, nếu không có tổ chức, cá nhân đăng ký thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có thể tiến hành công bố sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, trong đó đưa ra những quy định về mức chất lượng tối thiểu và các quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng (nếu có) để sản xuất áp dụng.

6. Thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam:

Tổ chức, cá nhân chỉ được thay đổi các thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam nếu không làm thay đổi chất lượng của sản phẩm, bao gồm:

a) Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do tổ chức, cá nhân có sản phẩm được phép tự thay đổi, bao gồm: địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân, màu sắc của sản phẩm.

Tổ chức, cá nhân khi thay đổi những thông tin nêu trên phải thông báo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền bằng văn bản kèm theo thư điện tử (nếu có) để Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cập nhật và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

b) Những thay đổi thông tin của sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cho phép, bao gồm: tên nhà sản xuất; tên gọi, số tiêu chuẩn công bố áp dụng, ký hiệu (tên thương mại), dạng, kích cỡ của sản phẩm.

Tổ chức, cá nhân đề nghị thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản (theo mẫu tại Phụ lục 12 ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản sao chụp tiêu chuẩn công bố áp dụng và bản tiếp nhận công bố hợp quy (nếu có); mẫu nhãn sản phẩm có xác nhận của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu;

Bản chính hoặc bản sao chứng thực giấy xác nhận nội dung thay đổi của nhà sản xuất (đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu);

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ban hành quyết định công nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (theo mẫu tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Những thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán nếu do tổ chức, cá nhân đăng ký thì thực hiện theo các quy định tại điểm a, điểm b Khoản 6 Điều này. Nếu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thay đổi thì căn cứ vào những tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và yêu cầu của thị trường.

7. Thức ăn chăn nuôi, thủy sản dùng chung cho nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm:

a) Tổ chức, cá nhân khi đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc thay đổi các thông tin có liên quan gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

b) Trình tự thủ tục và nội dung đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản dùng chung trong nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam áp dụng tương tự như quy định đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản khác trong Nghị định này.

Điều 16. Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản chưa được phép lưu hành tại Việt Nam

1. Để giới thiệu tại các hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm

a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm hoặc nghiên cứu, làm mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

b) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để giới thiệu tại hội chợ, triển lãm (theo mẫu tại Phụ lục 14 ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận về việc tổ chức hoặc tham gia hội chợ, triển lãm tại Việt Nam.

c) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm (theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị định này);

Văn bản thỏa thuận sử dụng dịch vụ phân tích giữa một bên là phòng thử nghiệm trong nước với một bên là các phòng thử nghiệm, các doanh nghiệp hoặc các cơ quan quản lý về thức ăn chăn nuôi, thủy sản của nước xuất xứ, trong đó có cam kết sản phẩm nhập khẩu là phi thương mại.

d) Hồ sơ đối với trường hợp nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để nghiên cứu (theo mẫu tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị định này);

Đề cương nghiên cứu kèm theo.

đ) Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời về việc chấp thuận cho nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 16 ban hành kèm theo Nghị định này). Trường hợp không chấp thuận cho nhập khẩu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất theo hợp đồng đã ký với nước ngoài phải nộp 01 bộ hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất (theo mẫu tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Nghị định này);

Hợp đồng thực hiện giữa các bên phù hợp với các quy định của pháp luật Việt Nam về việc nhập hàng gia công, tái xuất.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất theo hợp đồng đã ký với nước ngoài, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho phép nhập khẩu. Trong trường hợp không chấp thuận cần nêu rõ lý do.

Điều 17. Xuất khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

Thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, ngoài đáp ứng các yêu cầu về chất lượng như các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam phải đáp ứng các yêu cầu của nước hoặc của nhà nhập khẩu. Những trường hợp khác phải có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

Chương V

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 18. Kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong nước

1. Đối tượng và nội dung kiểm tra

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại:

- Việc thực hiện các quy định về điều kiện đối với cơ sở sản xuất, gia công, buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản;
- Việc thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy (nếu có);
- Việc thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;
- Việc thực hiện các quy định về ghi nhãn sản phẩm hàng hóa;
- Lấy mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản để kiểm tra sự phù hợp của sản phẩm với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Trong đó tập trung đánh giá các chỉ tiêu an toàn và những chỉ tiêu chất lượng chính của sản phẩm.

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản tự phối trộn và thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo tập quán:

Kiểm tra các chỉ tiêu an toàn về thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định hiện hành về an toàn thực phẩm.

2. Cơ quan kiểm tra: Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chế độ kiểm tra: Việc kiểm tra thường xuyên của các cơ quan nhà nước phải được thông báo trước bằng văn bản, mỗi năm chỉ được tiến hành kiểm tra chất lượng không quá 02 lần, trừ việc kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm.

Việc kiểm tra đột xuất chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại cơ sở sản xuất, gia công, cơ sở buôn bán, cơ sở sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản chỉ được tiến hành khi có quyết định của thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền, không cần thông báo trước.

Điều 19. Kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

Việc đăng ký kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu, bị triệu hồi hoặc trả về là yêu cầu bắt buộc. Riêng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu thực hiện theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

1. Đối tượng và nội dung kiểm tra

a) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

Kiểm tra hồ sơ nhập khẩu, số lượng, khối lượng, xuất xứ của sản phẩm;

Kiểm tra quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, ngoại quan về sản phẩm;

Lấy mẫu để kiểm tra chất lượng sản phẩm.

b) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi hoặc trả về

Kiểm tra về nguyên nhân thức ăn chăn nuôi, thủy sản triệu hồi hoặc bị trả về;

Kiểm tra quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, ngoại quan về sản phẩm;

Lấy mẫu để kiểm tra chất lượng sản phẩm (nếu cần).

c) Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu

Kiểm tra hồ sơ công bố chất lượng, công bố hợp quy (nếu có);

Kiểm tra quy cách bao gói, ghi nhãn, hạn sử dụng, ngoại quan về sản phẩm;

Phân tích chất lượng theo yêu cầu của doanh nghiệp hoặc nước nhập khẩu và yêu cầu khác (nếu có).

2. Cơ quan kiểm tra:

Là cơ quan nhà nước hoặc tổ chức được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền chỉ định (sau đây viết tắt là tổ chức được chỉ định). Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.

Căn cứ thẩm định năng lực của các tổ chức được chỉ định kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo các quy định đối với các tổ chức chứng nhận sự phù hợp về quy trình sản xuất hoặc sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc thừa nhận áp dụng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định, công nhận các tổ chức được chỉ định kiểm tra thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải ban hành quy trình thẩm định và hướng dẫn công khai bằng văn bản và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

3. Chế độ kiểm tra: theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 20. Yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định

1. Tổ chức được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Là đơn vị được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) Có quy trình kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản tương ứng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định.

2. Trình tự và thủ tục chỉ định

Tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nhu cầu tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định, hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Nghị định này).

b) Bản sao chứng thực quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

c) Quy trình kiểm tra, chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với từng loại thức ăn chăn nuôi, thủy sản tương ứng do tổ chức đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu ban hành.

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện đánh giá năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần) và ban hành quyết định chỉ định (theo mẫu tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định phải thông báo lý do từ chối bằng văn bản cho tổ chức đề nghị được chỉ định.

4. Hiệu lực của quyết định chỉ định

a) Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định Tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu là 03 (ba) năm.

b) Trong vòng 03 tháng trước khi quyết định chỉ định hết hiệu lực, nếu có nhu cầu, Tổ chức được chỉ định gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định để được chỉ định lại, hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 18 ban hành kèm theo Nghị định này);

- Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của Tổ chức được chỉ định trong thời gian trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 20 ban hành kèm theo Nghị định này).

Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện đánh giá lại năng lực thực tế tại cơ sở (nếu cần) và ban hành quyết định chỉ định lại (theo mẫu tại Phụ lục 19 ban hành kèm theo Nghị định này). Trong trường hợp từ chối chỉ định lại, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền thẩm định phải thông báo lý do từ chối bằng văn bản cho tổ chức đề nghị được chỉ định lại.

Điều 21. Lấy mẫu, thử nghiệm và căn cứ kiểm tra

- Lấy mẫu kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản: Người lấy mẫu phải thực hiện đúng quy trình lấy mẫu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành và có chứng chỉ lấy mẫu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cấp.

- Thử nghiệm: Việc thử nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản phục vụ công tác quản lý Nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản chỉ được thừa nhận tại các phòng thử nghiệm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ định, công nhận. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền ban hành quy trình thẩm định công nhận phòng thử nghiệm lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản và hướng dẫn công khai bằng văn bản và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền.

- Căn cứ kiểm tra: Là các quy định trong các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do Nhà nước ban hành; căn cứ theo tiêu chuẩn áp dụng của sản phẩm do

nhà sản xuất, cung cấp công bố và căn cứ những yêu cầu cụ thể bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Trình tự, thủ tục kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, phiếu đóng gói (Packing list), hóa đơn mua bán (Invoice), phiếu kết quả phân tích chất lượng của nước xuất xứ cấp cho lô hàng (Certificate of Analysis), bản tiêu chuẩn công bố áp dụng của đơn vị nhập khẩu; văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam;

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Nghị định này; Bản yêu cầu các chỉ tiêu cần kiểm tra, xác nhận chất lượng;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, hồ sơ công bố chất lượng.

3. Hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản bị triệu hồi, trả về:

a) Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng (03 bản) theo mẫu tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chứng thực các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, Giấy xác nhận chất lượng của lô hàng trước khi xuất khẩu (nếu có), văn bản triệu hồi hoặc thông báo trả về trong đó nêu rõ nguyên nhân triệu hồi hoặc trả về.

4. Trình tự xử lý hồ sơ đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu

a) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tới cơ quan kiểm tra.

b) Khi nhận được hồ sơ đăng ký kiểm tra, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xem xét và hướng dẫn doanh nghiệp bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định;

Trường hợp đầy đủ hồ sơ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra, trong đó có thông báo cho doanh nghiệp về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm sẽ thực hiện kiểm tra.

Điều 23. Chế độ kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu

1. Miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu trong các trường hợp sau:

- a) Thức ăn chăn nuôi tạm nhập tái xuất;
- b) Thức ăn chăn nuôi quá cảnh, chuyển khẩu;
- c) Thức ăn chăn nuôi gửi kho ngoại quan;
- d) Thức ăn chăn nuôi là hàng mẫu tham gia các hội chợ, triển lãm;
- đ) Thức ăn chăn nuôi là mẫu phân tích tại các phòng thử nghiệm;
- e) Thức ăn chăn nuôi là mẫu để khảo nghiệm.

2. Miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn

a) Thực hiện kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra cảm quan và không lấy mẫu để đánh giá sự phù hợp trong thời hạn 06 tháng.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Là thức ăn chăn nuôi nhập khẩu cùng loại do cùng cơ sở sản xuất, của cùng đơn vị nhập khẩu đã có Giấy xác nhận chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Nghị định này) của 05 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra giảm trong thời gian không quá 12 tháng trước đó.

c) Trong thời hạn được miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn, cơ quan kiểm tra nhà nước hoặc tổ chức chỉ định được giao nhiệm vụ giám sát hàng hóa theo chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn có thể tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên hàng hóa nhập khẩu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc kiểm tra đột xuất khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm về chất lượng sản phẩm. Nếu phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì tiến hành các biện pháp xử lý như đối với những lô hàng vi phạm chất lượng và kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt ngay việc miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn tại thời điểm đó và chuyển sang chế độ kiểm tra chặt.

d) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu trên gửi hồ sơ về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị miễn kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có thời hạn (theo mẫu tại Phụ lục 23 ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận chất lượng của 05 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra thông thường hoặc giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra giảm (bản sao chụp có xác nhận của đơn vị nhập khẩu).

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân nhập khẩu về việc được miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn (theo mẫu tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền; trong trường hợp không được áp dụng Chế độ miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm gửi bản sao chứng thực thông báo miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn đến Tổ chức được chỉ định để xác nhận việc miễn kiểm tra vào Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng cho từng lô hàng nhập khẩu (theo mẫu tại Phụ lục 21 ban hành kèm theo Nghị định này) làm điều kiện để thông quan hàng hóa.

3. Kiểm tra giảm có thời hạn

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ và kiểm tra cảm quan để đánh giá sự phù hợp của hàng hóa về các thông tin trong hồ sơ so với ghi trên nhãn hoặc tài liệu kỹ thuật kèm theo; độ nguyên vẹn, dạng, màu sắc của hàng hóa. Thời hạn áp dụng kiểm tra giảm là 12 tháng. Chỉ lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với chế độ kiểm tra này trong trường hợp phát hiện thấy hàng hóa không phù hợp với hồ sơ, có dấu hiệu mất an toàn và không đảm bảo chất lượng như mốc, ẩm ướt, bao bì không còn nguyên vẹn, dạng, màu sắc khác với mô tả, có thể ảnh hưởng xấu đến chất lượng, an toàn của sản phẩm hoặc là lấy mẫu kiểm tra ngẫu nhiên theo yêu cầu của quy trình giám sát chất lượng hàng hóa. Nếu phát hiện sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì tiến hành các biện pháp xử lý như đối với những lô hàng vi phạm chất lượng và kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt ngay việc kiểm tra giảm có thời hạn tại thời điểm đó và chuyển sang chế độ kiểm tra chặt.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với lô hàng nhập khẩu đáp ứng một trong các điều kiện sau:

Là thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu cùng loại do cùng cơ sở sản xuất, của cùng đơn vị nhập khẩu đã có Giấy xác nhận chất lượng (theo mẫu tại Phụ lục 22 ban hành kèm theo Nghị định này) của 03 lô hàng nhập khẩu liên tiếp theo chế độ kiểm tra thông thường trong thời gian không quá 12 tháng trước đó;

Đã được xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản; hoặc của Phòng thử nghiệm được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá và thừa nhận.

c) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có thức ăn chăn nuôi, thủy sản đáp ứng các yêu cầu kiểm tra gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền, hồ sơ bao gồm:

Đơn đề nghị được áp dụng chế độ kiểm tra giảm (theo mẫu tại Phụ lục 23 ban hành kèm theo Nghị định này);

Giấy xác nhận chất lượng của 03 lô hàng liên tiếp đạt yêu cầu theo chế độ kiểm tra thông thường (bản sao chụp có xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu) hoặc giấy xác nhận đạt yêu cầu chất lượng và an toàn của tổ chức có thẩm quyền của nước đã thừa nhận lẫn nhau với Việt Nam trong hoạt động kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản hoặc của Phòng thử nghiệm nước ngoài được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thừa nhận (bản chính hoặc bản sao chứng thực).

Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân nhập khẩu về việc được áp dụng chế độ kiểm tra giảm (theo mẫu tại Phụ lục 24 ban hành kèm theo Nghị định này) và đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền; trong trường hợp không được áp dụng chế độ kiểm tra giảm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm gửi bản sao chứng thực thông báo giảm kiểm tra chất lượng đến Tổ chức được chỉ định để tiến hành kiểm tra theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

4. Kiểm tra thông thường

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan và lấy mẫu đại diện để phân tích tối thiểu 01 chỉ tiêu an toàn và 01 chỉ tiêu chất lượng trong tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, đảm bảo cho việc đánh giá được độ an toàn và chất lượng của sản phẩm kiểm tra. Cơ quan kiểm tra, Tổ chức được chỉ định xác định chỉ tiêu cụ thể và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng, an toàn của thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với các lô hàng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu không thuộc quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 5 Điều này.

5. Kiểm tra chặt

a) Hình thức kiểm tra: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra cảm quan và lấy mẫu tất cả các lô sản xuất để phân tích tối thiểu 50 % các chỉ tiêu an toàn được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng và tối thiểu 50 % các chỉ tiêu chất lượng trong tiêu chuẩn công bố áp dụng và các chỉ tiêu khác (nếu có) theo yêu

cầu bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền. Chế độ kiểm tra chặt được áp dụng liên tục trong 03 lần nhập khẩu.

b) Chế độ kiểm tra này áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu thuộc các trường hợp sau:

Lần nhập khẩu trước đó không đạt yêu cầu về chất lượng và an toàn theo quy định;

Hàng hóa nhập khẩu thuộc danh mục thức ăn chăn nuôi, thủy sản có nguy cơ cao về an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành hoặc có xuất xứ từ những nơi đang có những nguy cơ cao gây mất an toàn đối với con người, vật nuôi và môi trường do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền cảnh báo;

Có văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền yêu cầu kiểm tra chặt khi phát hiện sản phẩm lưu thông trên thị trường có kết quả kiểm tra không đạt chất lượng theo yêu cầu hoặc có văn bản cảnh báo về các yếu tố không an toàn đối với con người, vật nuôi, môi trường của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan.

Điều 24. Nguồn kinh phí cho hoạt động quản lý về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Ngân sách nhà nước các cấp.
2. Phí và lệ phí trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Chương VI

QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN

Điều 25. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (nếu có) và phải có các nội dung sau:

- a) Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản;
- b) Tên các loại nguyên liệu chính và chất lượng sản phẩm;
- c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

2. Nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản phải được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 26 của Nghị định này xác nhận.

Điều 26. Thẩm quyền cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Tổng cục Thủy sản, Cục Chăn nuôi cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

a) Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của Trung ương, phát hành toàn quốc;

b) Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao phạm vi toàn quốc.

2. Chi cục Thủy sản, Chi cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản đối với các trường hợp quảng cáo trên các phương tiện:

a) Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương;

b) Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo;

c) Phương tiện giao thông;

d) Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hoá, thể thao của địa phương;

đ) Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo;

e) Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Hồ sơ

a) Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 25 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao chụp văn bản công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam (riêng đối với hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền ở địa phương phải là bản sao chứng thực; trường hợp nộp trực tiếp là bản sao chụp đồng thời phải xuất trình bản chính để đối chiếu).

c) Bản thông tin sản phẩm do nhà sản xuất công bố, bao gồm: tên sản phẩm, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, tên các nguyên liệu, chỉ tiêu chất lượng, công dụng, hướng dẫn sử dụng.

d) Bản thuyết minh nội dung quảng cáo (nội dung quảng cáo, phương tiện quảng cáo, địa điểm quảng cáo, thời gian quảng cáo).

2. Nộp hồ sơ

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 của Nghị định này;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thẩm định hồ sơ và cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 26 của Nghị định này có trách nhiệm kiểm tra thành phần hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đăng ký những thành phần hồ sơ chưa đạt yêu cầu để bổ sung, hoàn thiện.

b) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 26 của Nghị định này cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo mẫu quy định tại Phụ lục 26 ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM, THỦY SẢN

Điều 28. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên phạm vi cả nước.

b) Soạn thảo, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

c) Tổ chức khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản mới, thủy sản;

d) Thu thập và quản lý các thông tin, tư liệu về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

đ) Hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong việc sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

e) Tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

h) Quản lý về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định;

i) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các hoạt động trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

k) Đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch phát triển và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại địa phương;

b) Chỉ đạo hướng dẫn sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường;

c) Ban hành các chính sách khuyến khích và chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trên địa bàn nâng cao chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

d) Tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

đ) Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản trên địa bàn.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Công bố tiêu chuẩn áp dụng và công bố hợp quy (nếu có) theo quy định và lưu 01 bộ hồ sơ tại cơ sở.

2. Có quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm phù hợp. Ghi và lưu nhật ký quá trình sản xuất ít nhất là 02 năm.

3. Kiểm nghiệm, lưu kết quả kiểm nghiệm đối với nguyên liệu và thức ăn thành phẩm đáp ứng được yêu cầu kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và truy xuất xử lý các vi phạm sau này. Lưu kết quả kiểm nghiệm 01 (03) năm và lưu, bảo quản mẫu thử nghiệm đến sau khi hết hạn sử dụng 30 ngày.

4. Thể hiện các thông tin về chất lượng trên nhãn hàng hoá, bao bì hoặc tài liệu kèm theo, trong đó phải ghi rõ các chất chính theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản do cơ sở sản xuất: Xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy hàng hoá thức ăn chăn nuôi, thủy sản không đảm bảo chất lượng, an toàn và đền bù thiệt hại gây ra cho người chăn nuôi.

6. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện sản xuất và chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật.

7. Chỉ được sản xuất sau khi đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản do cơ quan chức năng của ngành nông nghiệp cấp.

8. Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng báo cáo tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi đặt trụ sở chính và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về các hoạt động liên quan đến thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 30. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân buôn bán, nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Kiểm tra nguồn gốc xuất xứ, thời hạn sử dụng, độ nguyên vẹn của hàng hóa thức ăn chăn nuôi, thủy sản; chú ý dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy (nếu có).

2. Áp dụng các biện pháp bảo quản chất lượng sản phẩm theo khuyến cáo của nhà sản xuất nhằm duy trì chất lượng hàng hoá thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Niêm yết giá và chấp hành sự kiểm tra về giá thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật.

4. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về điều kiện kinh doanh và chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định của pháp luật. Xử lý, thu hồi hoặc tiêu hủy thức ăn chăn nuôi, thủy sản vi phạm chất lượng và an toàn theo quy định của pháp luật.

5. Chỉ được buôn bán sau khi đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản do cơ quan chức năng của ngành nông nghiệp cấp.

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản

1. Tuân thủ các quy định của nhà nước và hướng dẫn của nhà cung cấp thức ăn chăn nuôi, thủy sản về việc vận chuyển, lưu giữ, bảo quản, sử dụng thức ăn chăn nuôi, thủy sản. Không sử dụng các chất cấm trong chăn nuôi.

2. Chấp hành sự kiểm tra, thanh tra về chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản của các cơ quan quản lý.

3. Xử lý tiêu huỷ các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản và sản phẩm chăn nuôi vi phạm về chất lượng và an toàn theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp

Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định này được áp dụng sau 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2016.

Nghị định này thay thế Nghị định số 08/2010/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi.

Điều 34. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP Ban Chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát NDTC;
- Toà án nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục 1

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, GIA CÔNG/BUÔN BÁN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THƯƠNG MẠI

“Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ

TÊN CƠ SỞ.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, GIA CÔNG/ BUÔN BÁN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THƯƠNG MẠI
“Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản”

Kính gửi:(1)

1. Tên cơ sở:.....

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax : E-mail:

- Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở:

2. Lĩnh vực công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công và buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản:

- Thức ăn chăn nuôi ☐

- Thức ăn thủy sản ☐

3. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....
.....

4. Chúng tôi cam kết thực hiện các quy định về điều kiện sản xuất, gia công/buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại.

....., ngày tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 2

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG/
BUÔN BÁN THỨC ĂN THỦY SẢN THƯƠNG MẠI**

“ Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ”

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

TÊN CƠ SỞ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT, GIA CÔNG/
BUÔN BÁN THỨC ĂN THỦY SẢN THƯƠNG MẠI**

“ Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ”

1. Tên cơ sở:

2. Điện thoại: Fax: Email:

3. Lĩnh vực hoạt động:

Giấy đăng ký.....Quyết định thành lập số..... ngày tháng
năm được cấp, do Cơ quan cấp.

Hiệu lực của Giấy đăng ký/Quyết định được cấp đến ngày tháng năm

4. Nêu rõ và đầy đủ các điều kiện quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều
7 Nghị định này (đối với cơ sở sản xuất, gia công thức ăn chăn nuôi, thủy sản) hoặc
các quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 8 Nghị định này (đối với cơ sở buôn bán
thức ăn chăn nuôi, thủy sản).

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3

MẪU QUYẾT ĐỊNH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, GIA CÔNG/BUÔN BÁN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ)

.....(1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công/buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại

.....(2)

Căn cứ (3);

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ đề nghị của *(tên tổ chức, cá nhân đăng ký)* về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công/buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại;

Xét đề nghị của;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, gia công/buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại cho..... *(tên và địa chỉ của tổ chức cá nhân đăng ký)*.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. *(tên tổ chức, cá nhân đăng ký)* có trách nhiệm thực hiện việc sản xuất, gia công/buôn bán thức ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng(1), *(tên tổ chức, cá nhân đăng ký)*, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....;

- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Thủ trưởng cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền

(3) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 4

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM

“Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, thủy sản”

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

TÊN CƠ SỞ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN KHẢO NGHIỆM

“Sản phẩm thức ăn dùng trong chăn nuôi, thủy sản”

Kính gửi:(1)

1. Tên cơ sở:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax : E-mail:

- Họ tên, chức danh người phụ trách cơ sở:

2. Hình thức đề nghị công nhận

- Công nhận mới hoặc mở rộng phạm vi công nhận ☐

- Công nhận lại ☐

3. Lĩnh vực khảo nghiệm:

- Thức ăn chăn nuôi ☐

- Thức ăn thủy sản ☐

4. Các hồ sơ và tài liệu kèm theo giấy này, gồm:

.....
.....

5. Chúng tôi cam kết thực hiện quy định về khảo nghiệm và các quy định khác có liên quan đến khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản. (Ok)

....., ngày tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 5

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM
“Sản phẩm thức ăn chăn nuôi”

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM
“Sản phẩm thức ăn chăn nuôi”

1. Tên cơ sở:

2. Điện thoại: Fax: Email:

3. Lĩnh vực hoạt động:

Giấy đăng ký.....Quyết định thành lập số..... ngày tháng
năm được cấp, do Cơ quan cấp.

Hiệu lực của Giấy đăng ký/Quyết định được cấp đến ngày tháng năm

4. Cán bộ, nhân viên của đơn vị đăng ký

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm trong lĩnh vực chăn nuôi	Ghi chú

5. Trang thiết bị:

Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Ngày đưa vào sử dụng	Thông số kỹ thuật của thiết bị	Ghi chú

6. Cơ sở vật chất:

6.1. Loại vật nuôi:

6.2. Địa điểm:

6.3. Cơ sở vật chất khác:

7. Các điều kiện khác có liên quan

8. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 6

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM

“Sản phẩm thức ăn thủy sản”

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

TÊN CƠ SỞ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN THUYẾT MINH ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ KHẢO NGHIỆM

“Sản phẩm thức ăn thủy sản”

1. Thông tin cơ sở

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Điều kiện cơ sở nuôi phục vụ khảo nghiệm sản phẩm

a) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong ao, đầm:

b) Đối với hệ thống nuôi thủy sản tập trung trong lồng bè:

c) Đối với hệ thống sản xuất giống thủy sản:

3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên ngành

a) Thiết bị, dụng cụ phân tích chất lượng.

b) Thiết bị, dụng cụ xác định các chỉ tiêu sinh trưởng động vật thủy sản.

4. Người phụ trách kỹ thuật

5. Nhân lực kỹ thuật

6. Các điều kiện khác có liên quan

7. Các công trình, kết quả nghiên cứu khác có liên quan

....., ngày tháng năm 20....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
KHẢO NGHIỆM THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

.....(1)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
....., ngày tháng..... năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm
thức ăn chăn nuôi, thủy sản

.....(2)

Căn cứ (3);

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ
về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của ... (tên cơ sở đăng ký) về lĩnh vực khảo nghiệm
thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận (tên và địa chỉ của cơ sở đăng ký) là cơ sở
khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. (tên cơ sở đăng ký) có trách nhiệm thực hiện việc khảo nghiệm thức
ăn chăn nuôi, thủy sản theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng(1), (tên cơ sở đăng ký), thủ trưởng các
đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....;

- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Thủ trưởng cơ quan được Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền

(3) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ
quan được ủy quyền

Phụ lục 8

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

**(Tên tổ chức, cá nhân): CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:....., ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị đăng ký thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy
1						
2						
3						
...						

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 9

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

(Tên đơn vị):.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Kính gửi:(1)

Tên đơn vị nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

1. Đề nghị được công nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu sau đây:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				
...				

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 10

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức, cá nhân): **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi:(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị đăng ký lại thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam như sau:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Ký mã hiệu (tên thương mại)	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Số tiếp nhận công bố hợp quy	Ngày tiếp nhận công bố hợp quy	Cơ quan tiếp nhận công bố hợp quy	Số văn bản công nhận TÁC� được phép lưu hành tại Việt Nam
1							
2							
3							
...							

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 11

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ*

.....(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam

.....(2)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản (chi tiết tại danh sách kèm theo) được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này 05 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng(1) (tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam) và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2): Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 12

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN
CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức, cá nhân): **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI THÔNG TIN
CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

Kính gửi:(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị được thay đổi thông tin đối với sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam sau đây:

1. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sản xuất trong nước

TT	Tên sản phẩm hoặc ký mã hiệu	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Mã số công nhận TÁC� được phép lưu hành tại Việt Nam	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

2. Đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu

TT	Tên sản phẩm	Hãng, nước sản xuất	Mã số công nhận TÁC� được phép lưu hành tại Việt Nam*	Thông tin đã được xác nhận	Thông tin xin được thay đổi
1					
2					

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(*) Số đăng ký nhập khẩu

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 13

**MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THAY ĐỔI THÔNG TIN
CỦA THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận thay đổi thông tin của thức ăn chăn nuôi, thủy sản

.....(2)

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (1);

Căn cứ Nghị định số /20.../NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận việc thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam tại Văn bản số ngày của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan chức năng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền, cụ thể như sau:

Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Số tiêu chuẩn công bố áp dụng	Mã số công nhận TẮCN được phép lưu hành tại Việt Nam	Thông tin thay đổi	
			Đã được công nhận	Được điều chỉnh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng(1) (tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam) và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-

- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2): Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 14

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức, cá nhân):..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐỂ GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM**

Kính gửi:(1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

1. Đề nghị được nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để giới thiệu tại các hội chợ triển lãm:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Thời gian, địa điểm tổ chức hội chợ triển lãm:

5. Phương án xử lý mẫu sau hội chợ triển lãm:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 15

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ NGHIÊN CỨU/LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ)

(Tên tổ chức, cá nhân):.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngàytháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỂ NGHIÊN CỨU/LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM

Kính gửi:(1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

1. Đề nghị được nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm:

TT	Tên mẫu thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Khối lượng*	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1						
2						
3						
...						

(*) Không quá 2,0 kg đối với mỗi sản phẩm để làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm. Riêng nhập khẩu về với đích nghiên cứu thì khối lượng phải phù hợp với nội dung nghiên cứu.

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Ghi rõ mục đích phân tích:

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 16

**MẪU VĂN BẢN CÔNG NHẬN THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN NHẬP KHẨU LÀM MẪU GIỚI THIỆU TẠI HỘI CHỢ, TRIỂN LÃM/
NGHIÊN CỨU/ LÀM MẪU PHÂN TÍCH TẠI PHÒNG THỬ NGHIỆM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(1)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /.....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

V/v công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản
đủ điều kiện nhập khẩu làm mẫu giới thiệu
tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu
phân tích tại phòng thử nghiệm

Kính gửi:(2)

.....(1) đã nhận được Văn bản số ngày
của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản đủ điều kiện nhập
khẩu làm mẫu giới thiệu hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng
thử nghiệm. Sau khi thẩm định hồ sơ,(1) có ý kiến như sau:

1. Đồng ý đề tổ chức, cá nhân nhập khẩu các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy
sản có tên dưới đây phục vụ trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển
lãm/nghiên cứu/ làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm trong thời gian
.....:

Số TT	Tên TĂCN	Số lượng	Bản chất, công dụng	Hãng, nước sản xuất
1				
2				
3				

2. Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nêu trên chỉ được dùng trưng bày
và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển lãm/nghiên cứu/ làm mẫu phân tích tại phòng
thử nghiệm, không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác.

3. Mẫu sản phẩm sau khi trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại hội chợ, triển
lãm/nghiên cứu/làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm phải được xử lý theo quy
định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan Hải quan;
- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị nhập khẩu

Phụ lục 17

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH TÁI XUẤT**
(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngàytháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN
ĐỂ SẢN XUẤT, GIA CÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH TÁI XUẤT**

Kính gửi:(1)

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

1. Đề nghị được nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau đây để sản xuất, gia công nhằm mục đích tái xuất:

TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Khối lượng	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất
1					
2					
3					
...					

2. Thời gian nhập:

3. Cửa khẩu nhập:

4. Thời gian xuất:

5. Cửa khẩu xuất:

6. Nước nhập khẩu:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 18

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức):.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

Số:

V/v đăng ký hoạt động kiểm tra, xác
nhận chất lượng TÁC N thủy sản xuất,
nhập khẩu

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kính gửi:(1)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:; Fax:; E-mail:.....

3. Quyết định chỉ định là tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thức ăn chăn
nuôi, thủy sản số.....ngày.....tháng.....năm.....do..... (tên cơ quan có thẩm
quyền) cấp.

4. Hình thức đề nghị chỉ định:

Chỉ định lần đầu ☐ Chỉ định lại ☐

5. Hồ sơ kèm theo gồm:

-

-

6. Sau khi nghiên cứu các quy định tại Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày ...
thángnăm 2016 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đề nghị Tổng cục Thủy sản/Cục Chăn nuôi xem xét để chỉ định (tên tổ chức)
được tham gia hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi xuất khẩu,
nhập khẩu.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đúng các quy định của pháp luật./.

Đại diện tổ chức
(ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 19

MẪU QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN SỰ PHÙ HỢP CHẤT LƯỢNG THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ)

.....(1)

Số: /.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng
thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu**

.....(2)

Căn cứ(3);

Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của ... *(tên tổ chức được chỉ định)* về lĩnh vực kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định ... *(tên và địa chỉ của tổ chức được chỉ định)* là tổ chức chứng nhận sự phù hợp chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 2. Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. *(tên tổ chức được chỉ định)* có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định hiện hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng(1), *(tên cơ sở đăng ký)*, thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....;

- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Thủ trưởng cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ủy quyền

(3) Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 20

**MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức):

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngàytháng.....năm.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Kính gửi:(1)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ liên lạc:

Điện thoại:..... Fax: E-mail:

Báo cáo kết quả thực hiện kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong giai đoạn từ....đếnnhư sau:

- Số lượng đơn vị đã kiểm tra:

- Số lô hàng, khối lượng hàng hóa đã kiểm tra:

- Danh sách các lô hàng vi phạm nếu có (Tên, khối lượng, giá trị, nguồn gốc xuất xứ, đơn vị nhập khẩu, lỗi vi phạm).

- Các lỗi vi phạm trong hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức được chỉ định do các đoàn kiểm tra phát hiện

- Những kiến nghị của tổ chức về hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi, thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu.

Đại diện tổ chức

(ký tên, đóng dấu)

(1) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 21

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA, XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

The Socialist Republic of Vietnam

Independent – Freedom – Happiness

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

Registration for Quality Inspection of Feeds

Số/No:

(Dành cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm tra ghi)

Số/No:

(Dành cho cơ quan kiểm tra ghi)

Kính gửi/To:

1. Bên bán hàng / Seller: (hãng, nước)
2. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :
3. Nơi xuất hàng/ Port of departure:
4. Bên mua hàng / Buyer:
5. Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / Address, Phone, Fax :
6. Nơi nhận hàng/ Port of Destination:
7. Thời gian nhập khẩu dự kiến / importing date :
MÔ TẢ HÀNG HOÁ/ DESCRIPTION OF GOODS
8. Tên hàng hoá / Name of goods:
9. Số lượng, khối lượng Quantity, Volume
10. Mã số công nhận thức ăn chăn nuôi, thủy sản được phép lưu hành tại Việt Nam/ Registration number:
11. Cơ sở sản xuất/ Manufacturer (hãng, nước sản xuất)
12. Địa điểm tập kết hàng/ Location of storage:
13. Ngày đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ Date for sampling:
14. Địa điểm đăng ký lấy mẫu kiểm tra/ Location for sampling:
15. Thông tin người liên hệ/ Contact person
16. Hợp đồng mua bán/ Contract: Số..... Ngày.....
17. Hoá đơn mua bán/ Invoice: Số..... Ngày.....
18. Phiếu đóng gói/Packinglist; Số..... Ngày.....
DÀNH CHO CƠ QUAN KIỂM TRA
19. Yêu cầu kiểm tra chỉ tiêu/ Analytical parameters required:
20. Thời gian kiểm tra/ Date of testing:
21. Đơn vị thực hiện kiểm tra:
Đối với hàng nhập khẩu, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan. Sau đó doanh nghiệp phải xuất trình toàn bộ hồ sơ và hàng hoá đã hoàn thành thủ tục hải quan cho cơ quan kiểm tra để được kiểm tra chất lượng theo quy định/ This registration is used for customs clearance in term of imported goods. Consigner is required to submit to the inspection body, afterward, all related document of the imported goods

..... ngày /date:

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên, đóng dấu)

....., ngày /date:

Đại diện cơ quan kiểm tra

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 22

MẪU GIẤY XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

The Socialist Republic of Vietnam

Independent – Freedom – Happiness

Cơ quan cấp xác nhận chất lượng/ Department issues the quality certificate

Địa chỉ/Address:.....

Điện thoại/Tel:.....Fax:

**GIẤY XÁC NHẬN CHẤT LƯỢNG
QUALITY CERTIFICATE**

Số / No:

Bên bán hàng/ Seller : Địa chỉ, Điện thoại, Fax. / <i>Address, Phone, Fax :</i>		Nơi xuất hàng/ Port of departure:
Bên mua hàng / Buyer: Địa chỉ / <i>Address:</i> Điện thoại, Fax/ <i>Phone, Fax:</i>		Nơi nhận hàng/ Port of Destination:
Tên hàng hoá / Name of goods	Khối lượng Quantity, Volume:	Mô tả hàng hoá/ Description of goods:
Căn cứ vào kết quả kiểm tra số....., Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng sốvà kết quả phân tích chất lượng (Cơ quan cấp xác nhận chất lượng) Xác nhận lô hàng đạt yêu cầu chất lượng/ Hereby certifies the goods meet the quality requirements		

....., ngày /date:

Đại diện cơ quan kiểm tra

Representative of Inspection body

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 23

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN/ GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

(Tên tổ chức, cá nhân): **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: , ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN/ GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Kính gửi:(1)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại:; Fax:; Email:

Đề nghị miễn/ giảm kiểm tra chất lượng sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Mã số công nhận TÁC N được phép lưu hành tại Việt Nam *	Giấy đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng số	Hãng, nước sản xuất	Thời gian nhập khẩu (ngày, tháng, năm)	Giấy xác nhận chất lượng số
I	A					
	Lần 1					
	Lần 2					
	Lần 3					
	Lần 4					
	Lần 5					
II	B					
	...					

* Số đăng ký nhập khẩu

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan về nhập khẩu thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

Phụ lục 24

MẪU GIẤY THÔNG BÁO MIỄN/GIẢM KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016 của Chính phủ)

.....(1) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
V/v áp dụng chế độ miễn kiểm tra
chất lượng/ kiểm tra giảm có thời hạn

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

Kính gửi:(2)

.....(1) đã nhận được Văn bản số ngày của tổ chức, cá nhân đề nghị áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/ kiểm tra giảm có thời hạn đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu. Sau khi thẩm định hồ sơ,(1) có ý kiến như sau:

1. Sản phẩm thức ăn chăn nuôi, thủy sản đã được phép lưu hành tại Việt Nam có tên dưới đây:

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Mã số công nhận TẮCN được phép lưu hành tại Việt Nam	Hãng, nước sản xuất	Tên đơn vị nhập khẩu

Được áp dụng chế độ miễn kiểm tra chất lượng/ kiểm tra giảm có thời hạn theo quy định tại Nghị định số/201../NĐ-CP ngày..... của Chính phủ kể từ ngày ... đến hết ngày.....

2. Yêu cầu tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các quy định hiện hành về quản lý thức ăn chăn nuôi, thủy sản./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ chức được chỉ định;
- Lưu: VT,

**LÃNH ĐẠO BỘ NN&PTNT/
CƠ QUAN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(1): Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/cơ quan được ủy quyền

(2): Tên tổ chức, cá nhân đề nghị miễn kiểm tra chất lượng có thời hạn/ áp dụng chế độ kiểm tra giảm

Phụ lục 25

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

Tên tổ chức, cá nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO
THỨC ĂN CHĂN NUÔI, THỦY SẢN**

Kính gửi: Tên cơ quan có thẩm quyền

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị ... (tên cơ quan có thẩm quyền) xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thức ăn chăn nuôi, thủy sản sau:

STT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 26

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2016
của Chính phủ)*

**Tên cơ quan chủ quản
Tên cơ quan có thẩm quyền xác
nhận nội dung quảng cáo
thức ăn chăn nuôi, thủy sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm 20...**

**GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
THỦY SẢN**

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền).....xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

***có nội dung quảng cáo (1) các thức ăn chăn nuôi, thủy sản trong bảng dưới
đây phù hợp với quy định hiện hành.***

STT	Tên thức ăn chăn nuôi, thủy sản	Ký mã hiệu/ Mã số sản phẩm	Mã số công nhận	Tên, địa chỉ nhà sản xuất	Phương tiện quảng cáo
1.					
...					

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thủy sản đúng
nội dung đã được xác nhận./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

1. Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.